

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 8 – 2023

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Phúc;

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/7/2023, 08/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Võ Văn T, sinh năm: 1979.

2. Bị đơn: Dương Thị T1, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông T có đơn xin vắng mặt ; bà T1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và lời tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Võ Văn T trình bày: ông với bà Dương Thị T1 tiến hành hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2001. Trong quá trình chung sống, có 01 con chung là Võ Dương P, sinh năm 2001. Do bất đồng quan điểm, nên đã ly thân từ năm 2020 đến nay vẫn không thể hàn gắn tình cảm được. Do đó khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- + Về tình cảm: yêu cầu được ly hôn với bà T1.
- + Về con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.
- + Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- + Về nợ chung: không có.

- Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn Dương Thị T1 không có tờ khai và cũng không có mặt tại Tòa án để hòa giải, xét xử.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông phát biểu* việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Riêng đối với bị đơn chưa thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện T là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt lần thứ hai. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó căn cứ các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Nguyên đơn cho là có đăng ký kết hôn (trích lục kết hôn của UBND xã P ngày 01/02/2023), có 01 con chung đã trưởng thành, nợ chung: không có, về tài sản chung thì tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết, về hôn nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn nên đã ly thân từ năm 2020 đến nay vẫn chưa hàn gắn được. Còn bị đơn thì đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không

có ý kiến phản đối. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy: ông T, bà T1 đã ly thân từ năm 2020, nay ông T cương quyết xin ly hôn vì không thể hàn gắn được tình cảm. Còn bà T1 thì trong quá trình giải quyết vụ án không có mặt để Tòa án tiến hành hòa giải, cũng không phản đối ý kiến của ông T về quan hệ hôn nhân, chứng tỏ bà T1 không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông T, bà T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó nghĩ cần cho ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Từ những nhận định trên, nghĩ nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, thì ông T là người khởi kiện thì phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000đồng. bà T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 92, 147 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự ; Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Võ Văn T và bà Dương Thị T1 được ly hôn.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* ông Võ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0001517 (ký hiệu biên lai: BF-2022, Quyền số: 0000031), ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H. Tam Nông;
- UBND xã Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Trí Viễn